



THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- Tổng thu cân đối NSNN thực hiện tháng 7/2016 ước đạt 102 nghìn tỷ đồng, tăng 26,6% so với tháng 6; Lũy kế thu 7 tháng đạt 583,6 nghìn tỷ đồng, bằng 57,5% dự toán, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, thu nội địa tháng 7/2016 ước đạt 86 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 22,2 nghìn tỷ đồng, tăng 34,8% so với tháng 6, lũy kế 7 tháng ước đạt 472,7 nghìn tỷ đồng, bằng 60,2% dự toán; Thu từ đầu thô tháng 7 ước đạt 4 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 370 tỷ đồng, tăng 10,2% so với tháng 6, lũy kế 7 tháng ước đạt 23,9 nghìn tỷ đồng, bằng 43,9% dự toán năm; Thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu tháng 7 ước đạt 21,5 nghìn tỷ đồng, lũy kế 7 tháng ước đạt 150,37 tỷ đồng, bằng 55,7% dự toán năm.

- Tổng chi NSNN thực hiện tháng 7 ước đạt 107,5 nghìn tỷ đồng; lũy kế chi 7 tháng đầu năm đạt 662,1 nghìn tỷ đồng, bằng 52% dự toán, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, chi đầu tư phát triển ước thực hiện 7 tháng đạt 92,2 nghìn tỷ đồng, bằng 36,2% dự toán, tăng 6,9% cùng kỳ năm 2015; Chi trả nợ và viện trợ ước thực hiện chi 7 tháng đạt 91,1 nghìn tỷ đồng, bằng 58,8% dự toán, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2015; Chi phát triển các sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính ước thực hiện chi 7 tháng đạt 473,7 nghìn tỷ đồng, bằng 57,5% dự toán, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2015.

- Tính đến ngày 31/7/2016, đã thực hiện phát hành được 206.878 tỷ đồng trái phiếu chính phủ bằng 82,8% kế hoạch năm (250.000 tỷ đồng), đảm bảo nguồn đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán.

Nguồn: Bộ Tài chính

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

BẢNG 1: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI HSX THÁNG 7/2016

	Ngày 1/7	Tuần từ 4/7 – 8/7	Tuần từ 11/7 – 15/7	Tuần từ 18/7 – 22/7	Tuần từ 25/7 – 29/7
VN-Index (điểm)	640,3	647,96 - 658,68	652,26 - 664,56	673,5 - 649,87	649,3 - 652,23
KLGD (cổ phiếu)	126.003.431	704.611.062	789.010.975	664.610.616	573.937.518
GTGD (tỷ VND)	2.841,63	15.532,54	16560,03	13050,75	10777,22

Nguồn: HSX

BẢNG 2: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI HNX THÁNG 7/2016

	Ngày 1/7	Tuần từ 4/7 – 8/7	Tuần từ 11/7 – 15/7	Tuần từ 18/7 – 22/7	Tuần từ 25/7 – 29/7
HNX-Index (điểm)	85,15	85,81 - 87,57	86,02 - 86,63	87,05 - 84,07	84 - 83,71
KLGD (cổ phiếu)	40.397.080	348.443.206	331.857.955	260.626.176	197.291.456
GTGD (tỷ VND)	532,11	4.606,5	4.258,79	3.091,3	2.356,83

Nguồn: HNX

BẢNG 3: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI UPCOM THÁNG 7/2016

	Ngày 1/7	Tuần từ 4/7 – 8/7	Tuần từ 11/7 – 15/7	Tuần từ 18/7 – 22/7	Tuần từ 25/7 – 29/7
UPCoM-Index (điểm)	58,01	58,27 - 58,09	57,5 - 57,1	57,67 - 56,73	57,18 - 56,54
KLGD (cổ phiếu)	6.088.584	34.923.964	38.335.773	24.832.870	31.597.840
GTGD (tỷ VND)	72,82	602,86	725,5	368,03	580,85

Nguồn: HNX

Tháng 7/2016, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã có sự cải thiện về thanh khoản nhưng lại có diễn biến trái chiều về điểm số. Cụ thể, chỉ số VN-Index kết thúc phiên giao dịch ngày 29/7 đạt 652,23 điểm, tăng 19,97 điểm (tăng tương đương với 3,2% so với tháng trước). Chỉ số HNX-Index giảm 1,14 điểm xuống mức 83,71 điểm (giảm tương đương với 1,69% so với tháng trước). Chỉ số UpCom-Index giảm 1,68 điểm, tương ứng với giảm 2,88% đạt 56,54 điểm so với tháng trước.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

BẢNG 4: TTCK THẾ GIỚI THÁNG 7/2016

Thị trường	Chỉ số	Ngày 1/7/2016 (điểm)	Ngày 29/7/2016 (điểm)	Tăng/Giảm (%)
Mỹ	Dow Jones	17.949,37	18.432,24	+ 2,69
	S&P 500	2.102,95	2.173,60	+ 3,36
	Nasdaq	4.862,57	5.162,13	+ 6,16
Anh	FTSE 100	6.463,60	6.724,43	+ 4,04
Pháp	CAC 40	4.273,96	4.439,81	+ 3,88
Đức	DAX	9.776,12	10.337,50	+ 5,74
Nhật Bản	Nikkei 225	15.682,48	16.569,27	+ 5,65
Hồng Kông	Hang Seng	2.932,48	2.979,34	+ 1,60
Trung Quốc	Shanghai Composite	21.059,20	21.891,37	+ 3,95
Hàn Quốc	Kospi Composite	8.738,24	8.984,41	+ 2,82
Singapore	Straits Times	2.790,54	2.868,69	+ 2,80

Nguồn: Bloomberg

Tháng 7/2016, TTCK thế giới có diễn biến tăng điểm tích cực. Cụ thể, các chỉ số Dow Jones, S&P 500 và Nasdaq (Mỹ) đều có mức tăng điểm lần lượt + 2,69%, + 3,36% và + 6,16%. Tại TTCK châu Âu, chỉ số FTSE 100 của Anh tăng 4,04% lên 6.724,43 điểm so với đầu tháng, chỉ số DAX của Đức và CAC 40 của Pháp tăng điểm lần lượt là +5,74% và + 3,88%, tương ứng với 10.337,50 điểm và 4.439,81 điểm. Tại châu Á, các chỉ số đều có mức tăng điểm, trong đó chỉ số Nikkei 225 và Shanghai Composite có mức tăng mạnh nhất lần lượt là + 5,65% và + 3,95%.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

THÁNG 7/2016

HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

Kỳ hạn trái phiếu	Số phiên đấu thầu	Giá trị đăng ký	Giá trị trúng thầu	Vùng lãi suất đặt thầu (%/năm)	Vùng lãi suất trúng thầu (%/năm)
3 năm	2	600.000.000.000	1.200.000.000.000	600.000.000.000	5,60-6,10
5 năm	8	15.400.000.000.000	35.669.000.000.000	12.855.000.000.000	6,02-7,20
7 năm	4	7.500.000.000.000	8.589.000.000.000	3.735.000.000.000	6,55-7,40
10 năm	3	2.200.000.000.000	2.000.000.000	0	8,40-8,40
15 năm	5	3.850.000.000.000	5.029.000.000.000	3.250.000.000.000	7,63-9,00
30 năm	2	2.300.000.000.000	3.006.800.000.000	2.212.000.000.000	7,99-8,00
Tổng	24	31.850.000.000.000	53.495.800.000.000	22.652.000.000.000	

Nguồn: HNX

GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP

STT	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch	Vùng lợi suất
1	6 tháng	500.000	52.549.500.000	4,10 - YTM - 4,10
2	9 tháng	22.700.000	2.370.247.700.000	3,90 - YTM - 4,32
3	12 tháng	41.490.000	4.435.223.010.000	4,00 - YTM - 5,81
4	2 năm	138.330.000	14.454.931.910.000	4,60 - YTM - 6,00
5	3 năm	152.380.000	16.008.220.110.000	5,18 - YTM - 6,01



6	3 - 5 năm	141.120.263	14.944.379.931.016	5,59 - YTM - 7,35
7	5 năm	240.340.000	24.537.520.510.000	4,80 - YTM - 7,22
8	5 - 7 năm	2.000.000	244.846.000.000	7,10 - YTM - 7,10
9	7 năm	21.070.000	2.229.043.110.000	6,60 - YTM - 8,00
10	7 - 10 năm	5.600.000	607.795.700.000	7,00 - YTM - 7,70
11	10 năm	1.000.000	101.956.000.000	7,00 - YTM - 7,00
12	10 - 15 năm	9.890.000	1.087.559.100.000	7,62 - YTM - 7,69
13	15 năm	15.520.000	1.568.640.270.000	7,65 - YTM - 8,06
Tổng		791.940.263	82.642.912.851.016	

Nguồn: HNX

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 6/2016 (% năm)					
Thời hạn	Ngày 1/7	Tuần từ 4/7 – 8/7	Tuần từ 11/7 – 15/7	Tuần từ 18/7 – 22/7	Tuần từ 25/7 – 29/7
Qua đêm	1,57	1,45 – 0,98	0,97 – 1,03	1,04 – 1,15	1,20 – 1,28
1 tuần	1,65	1,71 – 1,31	1,20 – 1,22	1,27 – 1,34	1,36 – 1,32
2 tuần	2,03	2,38 – 1,59	1,38 – 1,46	1,41 – 1,54	1,54 – 1,56
1 tháng	2,40	2,83 – 2,20	2,21 – 2,15	2,19 – 2,23	2,27 – 2,22
3 tháng	4,12	3,80 – 4,09	4,11 – 3,84	3,44 – 3,96	3,69 – 3,80
6 tháng	-	4,55 – 4,40	4,50	4,40	4,70 – 4,59
9 tháng	-	-	-	6,00	-
Doanh số giao dịch (tỷ đồng)	22.115	82.685	102.014	103.644	120.126

Nguồn: NHNN

Trong tháng 7/2016, tỷ giá VND/USD tương đối ổn định. Cụ thể, tỷ giá trung tâm của VND so với USD do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày 31/7/2016 là 21.862 VND/USD, với biên độ +/-3%. Chỉ số giá USD tháng 7/2016 giảm 0,21% so với tháng trước; giảm 1,02% so với tháng 12/2015 và tăng 2,21% so với cùng kỳ năm 2015.

DIỄN BIẾN THAY ĐỔI TỶ GIÁ VND/USD THÁNG 7/2016					
	Ngày 1/7	Tuần từ 4/7 – 8/7	Tuần từ 11/7 – 15/7	Tuần từ 18/7 – 22/7	Tuần từ 25/7 – 29/7
Giá mua vào	22.270	22.260 – 22.260	22.260 – 22.260	22.250 – 22.250	22.250 – 22.250
Giá bán ra	22.340	22.330 – 22.330	22.330 – 22.330	22.330 – 22.330	22.330 – 22.330

Nguồn: Vietcombank.com

Chỉ số USD - Index trong tháng 7 diễn biến tăng là chính. Chỉ số đạt mức cao nhất tại 97,26 (ngày 25/7) và thấp nhất tại 95,51 (ngày 04/7). Trong tháng 7, đồng EUR tăng nhẹ 0,26% so với đồng USD. Diễn biến cập tỷ giá EUR/USD: 1 EUR đổi được 1,1106 USD (ngày 1/7), 1,1044 USD (ngày 11/7), 1,1020 USD (ngày 21/7), 1,1084 USD (ngày 29/7).

CHỈ SỐ USD THÁNG 7/2016				
	Tuần từ 4/7 – 8/7	Tuần từ 11/7 – 15/7	Tuần từ 18/7 – 22/7	Tuần từ 25/7 – 29/7
USD index (điểm)	95,51 – 96,25	96,55 – 96,10	96,55 – 96,97	97,26 – 96,66

Nguồn: www.marketwatch.com

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA – DỊCH VỤ

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Xuất siêu
Tháng 07/2016	14,70 tỷ USD	14,60 tỷ USD	
Tăng/giảm so với tháng trước	- 0,2%	- 1%	
7 tháng đầu năm 2016	96,83 tỷ USD	95,03 tỷ USD	1,8 tỷ USD
Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2015	+ 5,3%	- 0,9%	

Nguồn: Tổng cục Thống kê

DIỄN BIẾN GIÁ CẢ MỘT SỐ MẶT HÀNG CHÍNH THÁNG 6/2016:

1. Lúa gạo

- Tại miền Bắc: Giá thóc, gạo tẻ thường tháng 7/2016 ổn định so với tháng 6/2016. Theo đó, giá bán thóc tẻ thường tháng 7/2016 dao động phổ biến ở mức 6.500-7.500 đồng/kg; giá một số loại thóc chất lượng cao hơn phổ biến ở mức 8.000-9.500 đồng/kg; giá gạo tẻ thường dao động phổ biến ở mức 8.500-14.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam: Giá bán lúa khô tháng 7/2016 tại kho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long loại thường dao động từ 4.700- 5.000 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg so với tháng trước. Giá gạo thành phẩm 5% tấm không bao bì giao tại mạn tàu hiện khoảng 7.400-7.500 đồng/kg, giảm 100- 200 đồng/kg; giá gạo 25% tấm khoảng 7.200-7.300 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg.

2. Thực phẩm tươi sống

- Tại miền Bắc: Tháng 07/2016, thịt lợn hơi giá phổ biến khoảng 45.000 – 50.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg; thịt lợn mỡ sấn giá phổ biến khoảng 90.000 – 95.000 đồng/kg, giảm 5.000 đồng/kg; thịt bò thăn giá phổ biến khoảng 260.000 – 275.000 đồng/kg, mức giá này ổn định so với tháng trước; thịt gà ta và gà công nghiệp làm sẵn có kiểm dịch giá phổ biến khoảng 115.000 – 125.000 đồng/kg, giá ổn định so với tháng trước; thịt gà công nghiệp làm sẵn ở mức 57.000 – 60.000 đồng/kg, ổn định so với tháng trước.

- Tại miền Nam: Giá bán thịt lợn hơi tháng 7/2016 phổ biến khoảng 43.000 – 48.000 đồng/kg, giảm 1.000 – 2.000 đồng/kg. Thịt lợn mỡ sấn giá phổ biến khoảng 85.000 – 90.000 đồng/kg; thịt bò thăn giá ổn định dao động phổ biến khoảng 260.000 – 275.000 đồng/kg; thịt gà công nghiệp làm sẵn ở mức 57.000 - 60.000 đồng/kg, giá ổn định so với tháng trước.

3. Giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi

Giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi tháng 7/2016

duy trì mức giá ổn định so với tháng 6/2016. Tính từ 01/6/2014 đến 31/7/2016, đã có 877 sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi được công bố giá tối đa, giá đăng ký, giá kê khai trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Sở Tài chính các địa phương.

4. Phân bón urê

Trong tháng 7/2016, giá phân bón urê trong nước giảm nhẹ so với tháng 6/2016. Cụ thể: Tại miền Bắc, mức giá phổ biến khoảng 7.300 - 7.500 đồng/kg, giảm 200 đồng/kg; tại miền Nam, mức giá phổ biến khoảng 7.200 - 7.400 đồng/kg, giảm 200 – 300 đồng/kg.

5. Thức ăn chăn nuôi

Trong tháng 7/2016, giá hầu hết các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thức ăn hỗn hợp giữ ở mức ổn định so với tháng trước. Hiện giá thức ăn hỗn hợp cho gà thịt ở dao động ở mức 9.400 - 9.600 đồng/kg; giá thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt ở mức 8.500-8.600 đồng/kg.

6. Nguyên vật liệu xây dựng

- Giá bán lẻ xi măng trong tháng 7/2016 trên thị trường giữ ổn định so với tháng 6/2016. Hiện giá bán lẻ xi măng tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung phổ biến từ 1.050.000 - 1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.460.000 - 1.850.000 đồng/tấn.

- Giá bán lẻ thép xây dựng tháng 7/2016 giữ ở mức ổn định so với tháng trước. Cụ thể: Tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung dao động phổ biến ở mức 11.900 - 14.150 đồng/kg; tại các tỉnh miền Nam dao động phổ biến ở mức 11.900 - 14.250 đồng/kg.

7. Khí hóa lỏng – LPG

Giá bán lẻ khí hóa lỏng –LPG trong tháng 7/2016 tại TP. Hồ Chí Minh (Giá bán lẻ đến tay người tiêu dùng) là 258.000 – 259.000 đồng/bình 12kg, giảm khoảng 14.000 đồng/bình 12kg; tại Hà Nội (Giá bán lẻ đến tay người tiêu dùng) khoảng 277.000 đồng/bình 12 kg, giảm khoảng 14.000 đồng/bình 12kg).



THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU

THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU TRONG NƯỚC

Căn cứ biến động giá xăng dầu thế giới, trong tháng 07/2016, giá xăng, dầu trong nước được điều chỉnh 2 lần, cụ thể:

- Ngày 05/7/2016: Bộ Công Thương đã có Công văn số 6056/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, theo đó: Giá bán xăng Ron 92 không cao hơn 15.968 đồng/lít; xăng E5 không cao hơn 15.447 đồng/lít; dầu diesel 0,05S không cao hơn 12.298 đồng/lít; dầu hỏa không cao hơn 10.667 đồng/lít; dầu ma dút 180CST 3,5S không cao hơn 9.001 đồng/kg.

- Ngày 20/7/2016: Bộ Công Thương đã có Công văn số 6695/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, theo đó: Giá bán xăng Ron 92 không cao hơn 15.303 đồng/lít; xăng E5 không cao hơn 14.843 đồng/lít; dầu diesel 0,05S không cao hơn 12.298 đồng/lít; dầu hỏa không cao hơn 10.667 đồng/lít; dầu ma dút 180CST 3,5S không cao hơn 9.001 đồng/kg.

Hiện nay, giá xăng dầu trong nước, mức trích, mức sử dụng Quỹ BOG, thuế suất thuế nhập khẩu các chủng loại xăng, dầu (sau thời điểm 15 giờ 00 ngày 20/7/2016) cụ thể như sau:

CÁC CHỦNG LOẠI XĂNG, DẦU	GIÁ BÁN TRONG NƯỚC HIỆN HÀNH (ĐỒNG/LÍT,KG)	QUỸ BOG (ĐỒNG/LÍT,KG)		THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU (%)
		Trích	Sử dụng	
Xăng RON 92	15.300	300	0	15,74
Xăng E5	14.840	0	0	15,74
Dầu diesel 0,05S	12.290	300	51	1,84
Dầu hỏa	10.660	300	254	0
Dầu ma dút 3,5S	9.000	300	136	0

Nguồn: Cục Quản lý Giá

THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU THẾ GIỚI THÁNG 07/2016

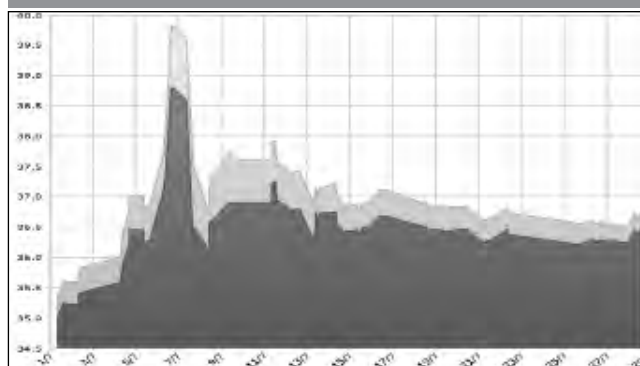
	7/7	13/7	25/7	28/7
Giá dầu thô ngọt, nhẹ New York (USD/thùng)	47,43	46,80	45,69	41,92
Giá dầu sưởi (USD/gallon)	1,47	1,46	1,35	1,29
Giá xăng (USD/gallon)	1,43	1,43	1,36	1,32
Giá khí tự nhiên (USD/triệu BTU)	2,78	2,74	2,71	2,67

Nguồn: TCTC tổng hợp

THỊ TRƯỜNG VÀNG

C chịu ảnh hưởng trực tiếp từ diễn biến của giá vàng thế giới, trong tháng 7/2016, giá vàng trong nước có xu hướng tăng là chính. Giá vàng SJC tăng mạnh nhất lên 38,80 – 39,82 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) ngày 6/7 và thấp nhất tại 34,96 – 35,31 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) ngày 1/7. Chỉ số giá vàng tháng 7/2016 tăng 5,36% so với tháng trước; tăng 15,55% so với tháng 12/2015 và tăng 10,99% so với cùng kỳ năm trước. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới tại thời điểm cuối tháng 7 là khoảng 800 nghìn đồng/lượng.

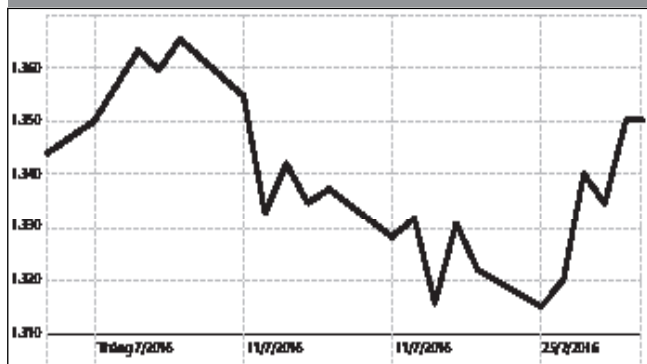
DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG TRONG NƯỚC (TRIỆU ĐỒNG/LƯỢNG)
(TỪ NGÀY 1/7/2016 ĐẾN NGÀY 29/7/2016)



Nguồn: sjc.com.vn



DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI (USD/OUNCE)
(TỪ NGÀY 1/7/2016 ĐẾN NGÀY 29/7/2016)



Nguồn: kitco.com

Thị trường vàng thế giới trong tháng 7/2016 diễn biến với xu hướng giảm vào đầu tháng và tăng nhẹ vào cuối tháng. Cụ thể, giá vàng (giao ngay tại thị trường NewYork) lên cao nhất tại mức 1.365,4 USD/ounce (ngày 8/7) và thấp nhất là 1.315,3 USD/ounce (ngày 20/7). Tính chung cả tháng, giá vàng thế giới đã tăng 0,63%.

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP THÁNG 7/2016

Đơn vị tính	Thành lập mới			Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể	Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động
	Số DN thành lập mới	Số vốn đăng ký	Số lao động đăng ký				
	DN	tỷ đồng	lao động	DN	DN	DN	DN
	9.621	69.196	99.236	915	1.818	4.115	1.804

Số liệu lũy kế năm 2016

Đơn vị tính	Thành lập mới			Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể	Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động
	Số DN thành lập mới	Số vốn đăng ký	Số lao động đăng ký				
	DN	tỷ đồng	lao động	DN	DN	DN	DN
	64.122	496.958	744.346	6.422	13.656	22.550	16.706

Nguồn: Cục Phát triển Doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI THÁNG 7/2016

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 7 năm 2016	Dữ liệu theo lũy kế	
				7 tháng năm 2016	So cùng kỳ
1	Vốn thực hiện	triệu USD	1.300	8.550	115,50%
2	Vốn đăng ký	triệu USD	1.655,71	12.940,42	146,90%
2.1	Đăng ký cấp mới	triệu USD	1.198,28	8.695,20	125,50%
2.2	Đăng ký tăng thêm	triệu USD	457,43	4.245,22	225,70%
3	Số dự án				
3.1	Số dự án cấp mới	dự án	263	1.408	131,80%
3.2	Số dự án tăng vốn	lượt dự án	125	660	193,50%
4	Xuất khẩu				
4.1	Xuất khẩu (kể cả dầu thô)	triệu USD	10.337	68.902	106,50%
4.2	Xuất khẩu (không kể dầu thô)	triệu USD	10.110	67.544	108,50%
5	Nhập khẩu	triệu USD	8.101	55.397	97,60%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch & Đầu tư)